

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HNGĐ-ST

Ngày 09-9-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Trọng Kim

2. Ông Trần Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Số H đường số B, tổ S, thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn N, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Số H đường số B, tổ S, thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Bà M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông Nguyễn Tấn N tìm hiểu nhau được hơn 01 năm thì tổ chức lễ cưới và về chung sống với nhau vào năm 1995, tuy nhiên không đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới, vợ chồng sinh sống tại nhà riêng tại xã Đ (nay là xã Đ), huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Năm 1998, vợ chồng chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Năm 2003 quay về huyện Đ và ở tại nhà riêng địa chỉ tổ S, thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận cho đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến

năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông N cờ bạc, rượu chè, lấy hết tiền trong nhà để cá độ đá banh, không cùng bà M chăm lo cho gia đình. Bà M đã từng nộp đơn ly hôn nhiều lần tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh nhưng ông N đều năn nỉ bà M tha thứ và cho ông 01 cơ hội, vì vậy bà M đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, thời gian gần đây ông N lại tiếp tục không sửa đổi mà vẫn cờ bạc, rượu chè, say rượu về nhà là chửi mắng bà M. Bà M thật sự không thể chịu đựng được nữa. Hơn 02 tháng nay, vợ chồng sống chung nhà nhưng đã ly thân nhau.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà M và ông N thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, bà M yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông N.

+ Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Trần Như V, sinh ngày 12/4/1997, Nguyễn Trần Thị Ng, sinh ngày 10/4/1998 và Nguyễn Trần Minh H, sinh ngày 22/9/2005. Tại đơn khởi kiện, bà M yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần Minh H và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Tuy nhiên, ngày 20/6/2022, bà M có đơn rút yêu cầu khởi kiện về giải quyết con chung.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Tấn N đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông N không đến Toà án làm việc, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ngày 05/8/2022, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống giữa bà Trần Thị M và ông Nguyễn Tấn N tại địa phương và được cung cấp: Bà M và ông N không đăng ký kết hôn, sống chung với nhau như vợ chồng tại địa chỉ Số H đường số B, tổ S, thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Bà M và ông N có với nhau 03 người con chung: Nguyễn Trần Như V, sinh năm 1997, Nguyễn Trần Thị Ng, sinh năm 1998 và Nguyễn Trần Minh H, sinh năm 2005. Trong quá trình chung sống, ông N mỗi lần uống rượu về say sấn là chửi mắng, đui đui đánh bà M. Hiện nay, bà M và ông N vẫn còn chung sống với nhau tại địa chỉ trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án: nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Bà M, ông N tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 1995 đến nay, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mâu thuẫn giữa bà M và ông N đã trầm trọng thể hiện ở việc ông N mỗi lần uống rượu về say sưa là chửi mắng, đấm đánh bà M. Nhận thấy, bà M, ông N sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà M yêu cầu ly hôn, căn cứ vào Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị M và ông Nguyễn Tấn N; Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Trần Như V, sinh năm 1997, Nguyễn Trần Thị Ng, sinh năm 1998 và Nguyễn Trần Minh H, sinh năm 2005. Tại đơn khởi kiện bà M có tranh chấp về nuôi con, tuy nhiên, ngày 20/6/2022, bà M đã có đơn xin rút yêu cầu tranh chấp này, vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 25/8/2022 và ngày 09/9/2022 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị M và ông Nguyễn Tấn N tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn, thể hiện tại biên bản xác minh của Tòa án tại địa phương.

Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý....”

Vì vậy, việc chung sống của bà Trần Thị M và ông Nguyễn Tấn N là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, quan hệ giữa bà M và ông N không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Tòa án căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà M, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị M và ông Nguyễn Tấn N.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Trần Như V, sinh ngày 12/4/1997, Nguyễn Trần Thị Ng, sinh ngày 10/4/1998 và Nguyễn Trần Minh H, sinh ngày 22/9/2005. Tại đơn khởi kiện, bà M yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần Minh H và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ngày 20/6/2022, bà M có đơn rút yêu cầu khởi kiện về giải quyết con chung. Do đó, Tòa án đình chỉ đối với yêu cầu này là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn và đình chỉ đối với yêu cầu tranh chấp về nuôi con của bà Trần Thị M đối với ông Nguyễn Tấn N. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 217, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, 14, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M đối với ông Nguyễn Tấn N về việc tranh chấp ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị M và ông Nguyễn Tấn N.

1.2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M đối với ông Nguyễn Tấn N về tranh chấp nuôi con.

3. Về án phí: Bà Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009470 ngày 31/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Bà Trần Thị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã Đ, huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung